

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HSST.

Ngày: 26/3/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Luyên.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Như Anh.

Bà Đào Thị Mỹ Xoan.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tất Tại - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/HSST, ngày 07 tháng 02 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2020/HSST - QĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

• **Họ và tên:** **Hồ Như T**, sinh năm: 1994. Tại: tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn EK, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Hồ Phi T, sinh năm: 1965, con bà: Ngô Thị P, sinh năm: 1973; Bị cáo chưa có chồng; Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2013. Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2019 đến ngày 26/12/2019. *Hiện nay bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.*

• **Bị hại:**

1. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1960 (Có mặt).

Nơi cư trú: thôn 1, xã EM, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn 12, xã EĐ, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà H' P, sinh năm: 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Buôn E, xã EM, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

4. ông Trần Văn H, sinh năm: 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ 5, thị trấn EN, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. ông Nhữ Văn T, sinh năm: 1973 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn T, xã ET, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty Tài chính A.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án: ông Trịnh Minh Q, sinh năm: 1986 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng B.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Đoàn Quang T, sinh năm: 1991. Chức vụ: Chuyên viên điều tra (Có mặt)

Địa chỉ: 66/10 đường Y, phường E, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Hồ Phi T, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Nơi cư trú: T 2, thị trấn EK, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

• **Người làm chứng:**

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1992 (Vắng mặt).

Cư trú tại: tổ dân phố 4, thị trấn EK, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Lê Thị H, sinh năm: 1993 (Vắng mặt).

Cư trú tại: thôn 1, xã EM, huyện M Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Lê Thị Huyền T, sinh năm: 1994 (Vắng mặt).

Cư trú tại: thôn 10, xã HT, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Như T là nhân viên hỗ trợ kinh doanh của Công ty tài chính A có Văn phòng đại diện tại cửa hàng điện máy tại tổ dân phố 3, thị trấn EK, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk; mặc dù T không có chức năng nhận tiền, giữ tiền của khách hàng để thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, từ ngày 22/8/2017 đến ngày 01/10/2017, để có tiền tiêu xài và sử dụng vào mục đích cá nhân nên khi có khách hàng đến liên hệ nộp tiền để thanh lý hợp đồng trước thời hạn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này. Sau khi nhận tiền T đã sử dụng một phần nộp cho Công ty tài chính A và Công ty tài chính Ngân hàng B để duy trì hợp đồng vay vốn và để các Công ty không phát hiện ra việc các khách hàng vay vốn đã nộp tiền thanh lý hợp đồng trước thời hạn, cụ thể: Hồ Như T nhận của bà H'P số tiền 4.260.000đ; sau khi nhận tiền, T nộp 07 kỳ trả góp với số tiền 4.156.000đ, còn lại 104.000đ T không nộp tiền cho Công ty tài chính A mà chiếm đoạt số tiền này; bà Nguyễn Thị P số tiền 8.380.000đ; sau khi nhận tiền, T nộp 07 kỳ trả góp với số tiền 5.222.000đ, còn lại 3.158.000đ T không nộp tiền cho Công ty tài chính A mà chiếm đoạt số tiền này; ông Nhữ Văn T số tiền là 51.237.000đ và trả cho Công ty tài chính A số tiền 34.000.000đ để thanh lý hợp đồng. Ông T đồng ý và giao cho T tổng số tiền là 85.237.000đ để T thanh lý 02 hợp đồng trên. Sau khi nhận tiền, T nộp 04 kỳ trả góp với số tiền 10.492.000đ cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng B và 12.832.000đ cho Công ty tài chính A, số tiền còn lại 61.913.000đ không nộp mà chiếm đoạt số tiền này; Bà Trần Thị H 15.000.000đ để làm thủ tục thanh lý hợp đồng; sau khi nhận tiền, T chỉ nộp 06 kỳ trả góp với số tiền 7.080.000đ, còn lại 7.920.000đ T không nộp tiền

cho Công ty tài chính A mà chiếm đoạt số tiền này; ông Trần Văn H số tiền 15.000.000đ để làm thủ tục thanh lý hợp đồng; sau khi nhận tiền, T chỉ nộp 07 kỳ trả góp với số tiền 9.627.970đ, còn lại 5.372.030đ, T không nộp tiền cho Công ty tài chính A mà chiếm đoạt số tiền này.

Tổng số tiền mà T đã nhận từ bà H'P, bà Nguyễn Thị P, ông Nhữ Văn T, bà Trần Thị H và ông Trần Văn H để thanh lý hợp đồng là 127.877.000đ. Sau khi nhận tiền, T đã thanh toán định kỳ hàng tháng cho các hợp đồng mà bà H'P, bà Nguyễn Thị P, ông Nhữ Văn T, bà Trần Thị H và ông Trần Văn H được số tiền là 49.408.970đ, số tiền còn lại là 78.467.030đ, T chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

- Tại Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty tài chính A với Hồ Như T và Công văn phúc đáp số 01 ngày 02/01/2020 Công ty tài chính A, thể hiện: Từ ngày 22/3/2016 đến ngày 01/8/2018, Hồ Như T là nhân viên “Hỗ trợ kinh doanh” của công ty; T không có chức năng “Nhận, giữ tiền của khách hàng để thanh lý hợp đồng”.

- Tại bản kết luận số 678/PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hồ Như T trong các tài liệu giám định ký hiệu từ A1 đến A5 so sánh chữ kí, chữ viết đứng tên Hồ Như T trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký và viết ra.

Vật chứng thu giữ: 01 biên bản thanh lý hợp đồng trước hạn do Hồ Như T lập ngày 17/01/2018; 01 đề nghị huỷ hợp đồng tín dụng do Hồ Như T lập ngày 21/12/2017; 01 đề nghị huỷ hợp đồng tín dụng đề ngày 14/08/2017 có chữ ký của Hồ Như T, Nguyễn Thị P; 01 đề nghị vay vốn đề ngày 26/07/2017 có chữ ký của Hồ Như T, Trần Thị H; 01 đề nghị huỷ hợp đồng tín dụng đề ngày 26/7/2017 có chữ ký của Hồ Như T, Trần Thị H; 01 đề nghị huỷ hợp đồng tín dụng đề ngày 22/8/2017 có chữ ký của Hồ Như T; Hợp đồng tín dụng số 3677205191 đề ngày 01/8/2016 có chữ ký của nhân viên Lê Thị H và người vay H' P; Hợp đồng tín dụng số 3687489916 đề ngày 20/10/2016 có chữ ký của nhân viên Lê Thị Huyền T và người vay Nguyễn Thị P; Hợp đồng tín dụng số 3726145176 đề ngày 14/7/2017 có chữ ký của nhân viên Hồ Như T và khách hàng (người vay) Nhữ Văn T; Hợp đồng tín dụng số 3726310270 đề ngày 26/7/2017 có chữ ký của nhân viên Hồ Như T và người vay Trần Thị H; Hợp đồng tín dụng số 3727076051 đề ngày 19/9/2017 có chữ ký của nhân viên Hồ Như T và khách hàng vay Trần Văn H; 01 đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20170714-0004076 ngày 13/7/2017 giữa Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng B với khách hàng Nhữ Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo Hồ Như T đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại số tiền 115.865.974đồng, được các bị hại làm đơn bãi nại và không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT-VKS, ngày 03/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố: Hồ Như T, về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo

quy định tại điểm c, Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hồ Như T đã thừa nhận: Từ ngày 22/8/2017 đến ngày 01/10/2017, bị cáo là nhân viên bán hàng không có chức năng, nhiệm vụ nhận tiền thanh lý hợp đồng của khách hàng nhưng bị cáo đã nhận tiền của bà H'P, bà Nguyễn Thị P, ông Nhữ Văn T, bà Trần Thị H và ông Trần Văn H để thanh lý hợp đồng là 127.877.000đ. Sau khi nhận tiền, T đã thanh toán định kỳ hàng tháng cho các hợp đồng của các khách hàng trên với số tiền là 49.408.970đ, số tiền còn lại là 78.467.030đ T chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo: Hồ Như T, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, Khoản 2, Điều 174; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g; Khoản 1 Điều 52; Khoản 1, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Như T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2019 đến ngày 26/12/2019.

Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu nên không đặt ra đề giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án là tài liệu chứng cứ nên không đề cập xử lý.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát. Người bị hại về phần trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; về phần trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình để nuôi dạy con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều đúng theo quy định của pháp luật

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được lưu

trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ pháp lý khẳng định: Vì mục đích tư lợi cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 22/8/2017 đến ngày 01/10/2017, bị cáo mặc dù không có chức năng nhận, giữ tiền của khách hàng để thanh lý hợp đồng, bằng thủ đoạn gian dối, thông qua hình thức thanh lý hợp đồng vay vốn trước thời hạn, Hồ Như T đã chiếm đoạt của các bị hại bà H P, bà Nguyễn Thị P, ông Nhữ Văn T, bà Trần Thị H và ông Trần Văn H tổng số tiền là 78.467.030 đồng. Do đó, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...”.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức để biết được rằng hành vi chiếm đoạt tiền của người khác thông qua việc thanh lý hợp đồng trong khi bản thân bị cáo không có chức năng, nhiệm vụ nhận tiền của khách hàng trái pháp luật là xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mọi hành vi vi phạm sẽ bị pháp luật trừng trị một cách nghiêm khắc. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản của các bị hại là 78.467.030 đồng. Do đó, cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo để trong quá trình cải tạo bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, từ đó hoàn thiện lối sống để khi tái hòa nhập cộng đồng trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chiếm đoạt tiền của các bị hại mỗi lần chiếm đoạt đều đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, HĐXX áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; số tiền bị cáo chiếm đoạt đã được bồi thường toàn bộ cho bị hại; các bị hại đã làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hiện nay bị cáo một mình nuôi con nhỏ dưới 07 tuổi, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng các

tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét trong quá trình lượng hình giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta đối với người phạm tội.

[5] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX, quyết định hình phạt tù có thời hạn nhằm trừng trị đồng thời giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng khoản 1, Điều 54 BLHS áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra chuyên theo hồ sơ vụ án là tài liệu chứng cứ nên không đề cập xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Như T phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: điểm c, Khoản 2, Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Hồ Như T 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2019 đến ngày 26/12/2019.

- Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra chuyên theo hồ sơ vụ án là tài liệu chứng cứ nên không đề cập xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Hồ Như T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 – TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Công an huyện EaKar;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện